

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 435/2022/KDTM-ST
Ngày: 18-02-2022.
V/v *Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài
chính.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Chí Quang.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phước.

2. Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tân, Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý sơ thẩm số 41/2020/TLST-KDTM ngày 28/7/2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6764/2021/QĐXXST-KDTM ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 390/2022/QĐ-HPT ngày 21/01/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty C;

Trụ sở: Tầng X, Cao ốc A, Số Y đường Z, phường T, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy V, sinh năm 1993. Giấy ủy quyền số 102.2020/GUQ-COL lập ngày 08/7/2020. (*Ông V xin xét xử vắng mặt*).

Bị đơn: Công ty H.

Trụ sở: Căn hộ C. Số X đường Y, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn: Ông Lê Văn H – Giám đốc, người đại diện theo pháp luật. (*ông H vắng mặt*)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn H, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Tổ X, phường T, thành phố Y, tỉnh Đắk Nông. (*Ông H vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 8/7/2020, nguyên đơn - Công ty C trình bày nội

dung và yêu cầu:

Công ty C (gọi tắt Công ty E) và Công ty H (gọi tắt Công ty A) ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số B180101703 ký ngày 03/01/2018 và Tu chỉnh lần 1 Hợp đồng cho thuê tài chính số B180101703 ngày 22/3/2018 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng thuê”). Theo đó, tài sản mà Công ty A có nhu cầu thuê tài chính là hai (02) xe lu rung Hiệu LONKING, Model: LG514B, Xuất xứ: Trung Quốc, biển số: 50SA-1259 và 50SA-1260 (sau đây gọi tắt là “Tài sản thuê”). Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê là 36 tháng, kể từ ngày 12/01/2018 đến ngày 20/01/2021. Lãi suất thuê theo Hợp đồng thuê là lãi suất thả nổi, được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn VND của Công ty E cộng với biên độ là 2%/năm. Theo đó, mức lãi suất tạm tính là $7,33\% + 2\% = 9,33\%/năm$.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê, Công ty Echấp nhận thư bảo lãnh thanh toán của cá nhân ông Lê Văn H ký ngày 03/01/2018. Theo đó, trường hợp Công ty A không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê, ông Lê Văn H cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty A.

Khi tiếp nhận tài sản thuê, Công ty A đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản vào ngày 12/01/2018 để xác nhận. Tổng giá trị các tài sản thuê là 1.720.000.000 đồng. Công ty A trả trước 344.000.000 đồng, số nợ vốn còn lại là 1.376.000.000 đồng được trả dần hàng tháng, Công ty A phải thanh toán cho Công ty E “Tiền thuê” bao gồm một phần nợ gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền nợ gốc theo Hợp đồng thuê. Trước khi Công ty A trả hết toàn bộ nợ gốc cùng các khoản lãi, Công ty E vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với Tài sản thuê. Theo các quy định của Hợp đồng thuê, Công ty A vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty E đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi tài sản thuê và yêu cầu Công ty A bồi thường thiệt hại (nếu có).

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty A thanh toán cho Công ty E được 23 kỳ thanh toán, đến kỳ thanh toán ngày 20/01/2020 thì Công ty A ngừng thanh toán cho Công ty E. Công ty E đã cố gắng liên lạc nhiều lần nhưng không nhận được thanh toán từ phía Công ty A. Ngày 20/03/2020, Công ty E đã có buổi làm việc trực tiếp với Công ty A, theo đó, Công ty A cam kết sẽ trả cho Công ty E các khoản nợ quá hạn tính đến ngày 20/03/2020 đến trước ngày 28/03/2020. Đối với các kỳ tiền thuê tiếp theo, Công ty A sẽ cố gắng thanh toán đúng hạn.

Tuy nhiên, Công ty A đã không thanh toán theo cam kết của mình, theo quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê, ngày 14/04/2020, Công ty E đã phát hành Thông báo số 01.2020/TB-HP về việc chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi Tài sản thuê, yêu cầu Công ty A thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 17/04/2020 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) với số tiền là 525.465.891 đồng.

Kể từ thời điểm chấm dứt hợp đồng đến nay, Công ty A chỉ trả cho Công ty E số tiền 45.000.000 đồng vào ngày 24/06/2020 và chưa hoàn trả tài sản thuê cho

Công ty E. Vì vậy, Công ty Công ty E khởi kiện vụ án ra Tòa án, yêu cầu giải quyết những nội dung sau:

Buộc Công ty Athanh toán cho Công ty E số tiền thuê còn nợ (tính đến ngày 08/7/2020) là 488.116.513 đồng(trong đó gồm: Nợ gốc 413.666.651đồng; lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê17/4/2020 là 66.799.240 đồng;lãi quá hạn từ ngày 18/4/2020đến 08/7/2020 là 7.650.622 đồng).

Buộc Công ty Athanh toán cho Công ty E tiền lãi phát sinh sau ngày 08/07/2020 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty A không thanh toán đầy đủ, buộc Công ty Agiao trả cho Công ty E hai (02) xe lu rung Hiệu LONKING, Model: LG514B, Xuất xứ: Trung Quốc, biển số: 50SA-1259 và 50SA-1260 để Công ty E thanh lý, căn trừ vào số tiền thuê mà Công ty A còn nợ.

Trường hợp số tiền thanh lý Tài sản thuê không đủ để căn trừ nợ, buộc Công ty A có trách nhiệm thanh toán cho Công ty E cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ. Và buộc Người bảo lãnh là ông Lê Văn H có trách nhiệm thanh toán cho Công ty E cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên các yêu cầu theo Đơn khởi kiện ngày 08/7/2020 và bổ sung thêm phần lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Kiểm tra việc giải quyết vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 41/2020/TLST-KDTM ngày 21/7/2020, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án thụ lý hồ sơ vụ án ngày 21/7/2020, đến ngày 31/12/2021 Thẩm phán ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa thủ tục tố tụng và nguyên tắc xét xử công khai tại phiên tòa tuân thủ đúng luật định. Chủ tọa phiên tòa công bố lý do vắng mặt đương sự theo điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về các yêu cầu của đương sự: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chứng cứ có tại hồ sơ để chấp nhận toàn bộ các yêu cầu của nguyên đơn.

Các bên đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Vụ kiện tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính giữa chủ thể có mục đích kinh doanh là tranh chấp phát sinh trong kinh doanh thương mại. Công ty E khởi kiện tranh chấp nợ cho thuê tài chính đối với Công ty A, có nội dung yêu cầu phù

hợp pháp luật, còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là pháp nhân có trụ sở hoạt động chính tại thành phố Thủ Đức nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng và phạm vi giải quyết vụ án:

- Quá trình tố tụng vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa sơ thẩm, theo qui định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn là Công ty A có trụ sở hoạt động chính tại địa chỉ: Căn hộ C. Số X đường Y, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp cho bị đơn: Ông Lê Văn H – Giám đốc đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng vụ án.

- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn H được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng vụ án.

Ngày 21/01/2022, Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, Công ty A và ông Lê Văn H vắng mặt không lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 18/02/2022, Công ty A và ông Lê Văn H vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt đương sự theo qui định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phạm vi giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, nguyên đơn không thay đổi yêu cầu khởi kiện, bị đơn và người có quyền nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu trong vụ án. Hội đồng xét xử xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu của nguyên đơn. Các nội dung khác nguyên đơn không yêu cầu, Hội đồng xét xử sơ thẩm không xét giải quyết.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Hợp đồng cho thuê tài chính số B180101703 ký ngày 03/01/2018 và Tờ trình lần 1 Hợp đồng cho thuê tài chính số B180101703 ngày 22/3/2018; Thư bảo lãnh cá nhân ngày 03/01/2018. Xét đây là Hợp đồng cho thuê tài chính và Hợp đồng bảo lãnh tín chấp có hình thức, nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, đây là giao dịch hợp pháp, có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên ký kết hợp đồng

[3.2] Về yêu cầu trả nợ thuê tài chính và lãi phát sinh:

- Căn cứ theo Hợp đồng mua bán số B180101703-PC ngày 10/01/2018, Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản lập ngày 12/01/2018; Lịch trình thanh toán tiền thuê và Thông báo bắt đầu thuê tài sản ngày 27/03/2018 thì việc Công ty A đã nhận và sử dụng các tài sản thuê gồm: hai (02) xe lu rung Hiệu LONKING, Model: LG514B, Xuất xứ: Trung Quốc, biển số: 50SA-1259 và 50SA-1260 là xác thực. Tổng giá trị các Tài sản thuê là 1.720.000.000 đồng, Công ty A trả trước 344.000.000 đồng và phần nợ tài chính phải trả dần là 1.376.000.000 đồng.

- Hàng tháng Công ty A phải thanh toán nợ gốc và tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả hết gốc. Thực hiện việc trả nợ, Công ty A đã thanh toán cho Công ty E được 23 kỳ thanh toán, đến kỳ thanh toán ngày 20/01/2020 thì Công ty A ngừng thanh toán nợ là bên vi phạm thực hiện hợp đồng thuê tài chính và là bên có lỗi.

- Bản tính nợ gốc và lãi của Công ty E, tính đến ngày 17/02/22 Công ty A còn nợ số tiền là 454.991.066 đồng (trong đó: Nợ gốc 313.666.651 đồng; Nợ lãi trong hạn tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 17/4/2020 là 66.799.240 đồng; Nợ lãi quá hạn từ ngày 18/4/2020 đến 17/02/2022 là 74.525.175 đồng). Hội đồng xét xử đối chiếu theo các điều khoản thỏa thuận tại Hợp đồng cho thuê tài chính, xét yêu cầu đòi số nợ 454.991.066 đồng của Công ty E có căn cứ chấp nhận.

Từ nhận định trên đây, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc Công ty A có trách nhiệm trả cho Công ty E toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh, tính đến ngày 17/02/2022 là số tiền 454.991.066 đồng. Thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành và thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3.3] Công ty A tiếp tục thanh toán cho Công ty E lãi phát sinh từ ngày 18/02/2022 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty A không thanh toán đầy đủ các khoản nợ nêu trên thì buộc Công ty A giao trả cho Công ty E tài sản thuê là hai (02) xe vận tải Hiệu LONKING, Model: LG514B, Xuất xứ: Trung Quốc, biển số: 50SA-1259 và 50SA-1260 để thanh lý và thu hồi nợ.

Sau khi thanh lý tài sản thuê để thu hồi nợ, nếu thu đủ toàn bộ nợ thì số dư sẽ được trả lại cho Công ty A; Nếu không đủ để thu hồi nợ thì Công ty A có trách nhiệm tiếp tục thanh toán cho đến khi hết toàn bộ nợ.

[3.4] Trường hợp Công ty A không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên, buộc Người bảo lãnh là ông Lê Văn H có trách nhiệm thanh toán cho Công ty E theo cam kết tại Thư bảo lãnh tín chấp bằng các tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông Lê Văn H cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số nợ.

[4] *Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:* Xét ghi nhận và rút kinh nghiệm đối với kiến nghị của Kiểm sát viên về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Và xét thống nhất kiến nghị của Kiểm sát viên về chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về nợ gốc và nợ lãi phát sinh.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Công ty A phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên các yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Trả lại cho Công ty E tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, 95, 96 và Điều 210; khoản 2 Điều 227, 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều khoản tại Hợp đồng cho thuê tài chính số B180101703 ký ngày 03/01/2018 và Tu chỉnh lần 1 Hợp đồng cho thuê tài chính số B180101703 ngày 22/3/2018; Thư bảo lãnh cá nhân ngày 03/01/2018;

Căn cứ vào Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Công ty H có trách nhiệm thanh toán cho Công ty C toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh, tính đến ngày 17/02/2022 là số tiền 454.991.066đ (*Bốn trăm năm mươi bốn triệu, chín trăm chín mươi một nghìn, không trăm sáu mươi sáu đồng*).

Thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành và thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Công ty H tiếp tục thanh toán cho Công ty C tiền lãi phát sinh từ ngày 18/02/2022 tính trên nợ gốc, với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty H không thanh toán đầy đủ các khoản nợ nêu trên thì buộc Công ty H giao trả cho Công ty C tài sản thuê là hai (02) xe máy hiệu LONKING, Model: LG514B, Xuất xứ: Trung Quốc, biển số: 50SA-1259 và 50SA-1260 để thanh lý, thu hồi nợ.

Sau khi thanh lý tài sản thuê để thu hồi nợ, nếu số tiền thu hồi đủ tất toán toàn bộ nợ thì số tiền dư sẽ được trả lại cho Công ty H; nếu không đủ để thu hồi nợ thì Công ty H có trách nhiệm tiếp tục thanh toán cho đến khi hết toàn bộ số tiền nợ.

Trường hợp Công ty H không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên, buộc người bảo lãnh là ông Lê Văn H có trách nhiệm thanh toán cho Công ty C theo cam kết tại Thư bảo lãnh tín chấp bằng các tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông Lê Văn H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty H phải chịu án phí kinh doanh thương mại là 22.199.643 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trả lại cho Công ty C số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 11.762.330 đồng, theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0027806 ngày 28/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

- Thời hạn kháng cáo của đương sự có mặt tại phiên tòa đối với bản án này là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

- Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Trường hợp đơn kháng cáo của đương sự được gửi qua dịch vụ bưu chính thì ngày kháng cáo được xác định căn cứ vào ngày tổ chức dịch vụ bưu chính nơi gửi đóng dấu ở phong bì.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THA DS thành phố Thủ Đức;
- TAND TP HCM;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Chí Quang